

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SƯU HUYỀN PHÂN TÊ THÔNG TRÍ PHƯƠNG QUỸ

QUYỂN 1 (Phần 2)

Thứ năm là văn chính thức trả lời về Bốn Tông, toàn bộ phân làm hai: Một là quán sát năm Hải... trình bày về phần căn bản; hai là trình bày về mười trí, tức là trí của năm Hải.

Văn phần một có hai: Một, trình bày được nhờ thần lực của Phật hiển bày không phải tự lực có thể tiến vào; hai, chính thức quán sát năm Hải xét kỹ về pháp ấy.

Nay ở đây nói chung về việc làm phát khởi giáo pháp có mười nghĩa:

1. Thành tựu bốn nguyện của Phật cho nên gọi là kinh Bốn Nguyện của chư Phật, lấy kinh này làm chuẩn mực.

2. Thành tựu Bốn nguyện của Bồ-tát có thể biết.

3. Luôn luôn lợi ích cho căn cơ có thể biết.

4. Lợi ích thấy nghe cho đời sau có thể biết.

5. Muốn hiển bày về lý vốn có và trình bày về tu thành tựu hai hạnh nhân quả.

6. Phân rõ hai phần vị nhân quả thêm vi tế không giống nhau, như quả trong nhân-nhân trong quả là vậy, và trình bày về trước thô-sau tế...

7. Trình bày về tướng của hành vị so sánh phân rõ nối thông-hạn chế, đây là hướng về cùng lúc có thể biết.

8. Nhân quả hành vị trước sau nối thông-hạn chế không giống nhau.

9. Phân rõ về tướng của tu đức tác thành lẫn nhau.

10. Muốn hiển bày về giáo luân A-hàm hoàn toàn thanh tịnh, và dựa theo sự việc hợp thời hiển bày hai hành tướng chân-ứng, điều này

có thể suy nghĩ. Dựa vào văn những phần sau, tám Hội cùng có mười nghĩa, đến văn của Hội sau có thể cũng dựa theo đây. Nếu theo chiều ngang thì chọn lấy văn tướng hiển bày có thể biết.

Phần một Thế giới hải là trả lời về thế giới hải trước đây, là hành Tịnh độ thành tựu trú xứ của chúng sinh. Chúng sinh hải là chúng sinh đã được hóa độ, trả lời về chúng sinh hải trước đây. Pháp giới nghiệp hải là nghiệp dụng, thành tựu Pháp thân sau này mà thôi. Dục lạc chư căn hải là trả lời gồm chung hai câu về nhân hạnh trước đây. Tam thế chư Phật hải là phân rõ về tác dụng giáo hóa rộng lớn của Phật, trả lời mười hai câu về ba thân và sáu câu trong tác dụng giáo hóa trước đây. Cũng có thể sáu câu này thuộc về chư căn hải trước đây, nhưng tâm và cảnh giới khác nhau dùng tướng để hiển bày căn mà thôi, cũng có thể cùng nhau đưa vào nghiệp dụng hải.

Phần hai Mười trí phân năm: Một, nói cho biết; hai, nêu tên gọi; ba, kết luận khó suy nghĩ; bốn, hứa thuyết giảng; năm, trình bày về ý thuyết giảng mà thôi. Tức là Phật đã trao cho mười trí trước đây. Nay bởi vì ca ngợi có thể hiển bày về pháp sâu xa, cũng có phần nào không giống nhau là đối với căn cơ thiết lập riêng biệt, cho nên khác nhau mà thôi. Phật tử thì có năm nghĩa như luận.

Mười trí:

1. Thế giới thành bại thanh tịnh trí, trả lời một câu hỏi về thế giới Phật trong câu hỏi về quả trước đây.

2. Chúng sanh giới khởi trí, trả lời một câu về chúng sanh hải đã được giáo hóa trong câu hỏi về quả trước đây.

3. Pháp giới trí, trả lời một câu về thuốc pháp có thể giáo hóa trước đây.

4. Từ “Như Lai tự tại...” trở xuống là trả lời mười hai câu về đức của ba thân trước đây, một câu này tức là trả lời ba câu về Phật địa-Phật trì... trong Pháp thân trước đây.

5. Tịnh chuyển pháp luân trí, trả lời một câu về Phật hạnh trước đây.

6. Lực vô úy bất cộng pháp trí, trả lời ba câu về Phật lực-pháp thù thắng của Phật thị hiện Bồ-đề... trong Báo Phật trước đây.

7. Quang minh tán thán âm thanh trí, trả lời một câu về ánh sáng của Phật trước đây.

8. Tam chủng giáo hóa trí, trả lời về đức của Hóa Phật là ba luân như mắt-tai của Phật, trí hải của Phật... trước đây.

9. Tam muội pháp môn bất hoại trí, trả lời về Tam-muội của Báo

Phật trước đây, bởi vì Thế của quả đức cho nên trả lời riêng biệt.

10. Như Lai tự tại trí, trả lời sáu câu về Phật hải... trong đức Hóa dụng trước đây.

Dưới đây mở rộng văn tùy theo tướng giải thích về năm Hải ở trên: Đầu tiên là Thế giới thành hoại trí trong mười trí thế giới hải, cũng có thể nói chung về trả lời mở rộng sau này. Mười trí này tức là trí về ba thế gian: Một là Khí thế gian; hai là Chúng sanh thế gian; trí thứ ba-thứ tư là Chánh giác; năm là Nguyên chuyển pháp luân trí, nói về hành của ba thế gian trước đây; sáu là Lực vô úy bất cộng trí dựa vào pháp thành tựu hành đối trị, lực đối trị ma giáo, vô úy đối trị ngoại đạo, bất cộng đối trị Nhị thừa; bảy là Quang minh âm thanh trí, dùng Phật sự khéo léo thành tựu, ca ngợi Tam bảo; tám là Tam chủng giáo hóa trí, phát triển làm hưng thịnh Tam bảo, khiến cho không đoạn tuyệt; chín là Tam-muội pháp môn bất hoại trí, trình bày về Chứng trí; mười là Như Lai chủng chủng tự tại trí, tức là Hậu đắc trí. Vả lại, đây là nói về một Hải trước đây, vẫn có đủ mười trí như vậy, bởi vì trí pháp chính thức và hỗ trợ đều tác thành lẫn nhau, là năm hải dựa vào ba thế gian chuyển thành mười thân, vốn là pháp tương tự.

Ba từ “Như thị...” trở xuống là kết thúc ca ngợi khó nói-khó nghe; bốn, từ “Ngã đương...” trở xuống là hiển bày được nhờ Phật lực mới nhận lời thuyết giảng; năm, từ “Dục linh...” trở xuống trình bày về ý thuyết giảng. Nhưng nghĩa nói về quán năm Hải-mười Trí của Phật là nói về mười Trí của mình, lại quán tất cả năm Hải-mười Trí của nhân địa là nói về mười Trí của mình, bởi vì Trí phương tiện khởi lên thuyết giảng cùng với pháp căn bản thi thiết không giống nhau. Vả lại, cũng có thể về sau trong văn phân rõ riêng biệt, luận về cõi thì biết cảnh huân tập, điều này có thể suy nghĩ chuẩn xác. Cũng có thể chỉ riêng Phật địa mà thôi. Nhưng cũng có thể người ở Địa tiền nói là trí huân tập cảnh, Bồ-tát ở Địa thượng và người trong quả nói là Chứng chứ không phải là huân tập.

Thứ sáu là phân phát khởi, văn phân hai: Một là phân rõ về lợi ích phát khởi, hai là lỗi chân lông ca ngợi.

Văn phân một phân hai: Một, chính thức phát khởi về Định của chủ bạn có hai câu, câu một là khởi định, câu hai là Thế vốn có bất hoại; hai, từ “Nhất thiết tam thế Tam-muội...” trở xuống là phân rõ tác dụng lợi ích lúc khởi định có hai, một là lợi ích bên trong, hai là từ “Động địa...” trở xuống là lợi ích về sự việc bên ngoài có ba, đó là mặt đất chấn động và hai lợi ích.

Một là văn phần tác dụng có hai: Một, chúng ở cõi này lợi ích; hai, từ “Như thử...” trở xuống là chúng ở phương khác lợi ích. Chúng ở cõi này lợi ích có bốn:

- 1) Đạt được định.
- 2) Đạt được phương tiện bên trong.
- 3) Đạt được trí phân rõ về dụng bên ngoài.
- 4) Đạt được nguyện hạnh Đại Bi.

Văn phần hai là lỗ chân lông nói kệ ca ngợi đức của Bồ-tát Phổ Hiền, văn mười bốn kệ tức là phóng ánh sáng ca ngợi gia hộ, phân hai: Tám kệ đầu trình bày về Bồ-tát Phổ Hiền tự tại đến cùng nguồn cội của Phật, tiếp theo sáu kệ trình bày về Bồ-tát Phổ Hiền ứng hóa và cõi thuận theo tất cả chúng sinh tự tại thành tựu nghĩa.

Trong tám kệ trước, ba kệ đầu là thân nghiệp tự tại, tiếp theo một kệ là khẩu nghiệp tự tại, tiếp theo một kệ là ý nghiệp tự tại, tiếp theo ba kệ là tổng quát ca ngợi ba nghiệp tự tại khắp cảnh giới Phật.

Thứ bảy là phần Bồ-tát làm cho đại chúng càng vui vẻ cung kính, văn chính là phần thuyết giảng có hai: Một, làm cho đại chúng vui vẻ tức là phương tiện thuyết giảng; hai, chính thức trao cho pháp.

Văn phần một đại chúng vui vẻ phân hai: Một, trường hàng là trình bày về ý lại muốn thuyết giảng; hai, chính thức nói kệ làm cho đại chúng vui mừng. Văn kệ phân năm: Một, mười kệ đầu dựa theo Phật ca ngợi đức dụng sâu rộng; hai, từ “Phổ Hiền Bồ-tát...” trở xuống là bốn kệ trình bày về Bồ-tát Phổ Hiền khéo léo hòa nhập có thể lợi ích rộng rãi cho chúng sinh mọi loài; ba, từ “Vô lượng...” trở xuống là hai kệ suy ra công đức thuộc về Phật; bốn, từ “Nhất thiết sát độ...” trở xuống là hai kệ giải thích về ý Bồ-tát Phổ Hiền làm lợi ích mà công đức ấy thuộc về Phật; năm, có hai kệ kết luận về đức khuyến khích lắng nghe, hứa thuyết giảng ở tại lúc ấy.

Văn phần một là mười kệ phân bốn: Hai kệ đầu tổng quát ca ngợi; tiếp theo hai kệ ca ngợi công dụng của Phật; tiếp theo bốn kệ nêu ra chúng sinh giới và pháp khó suy nghĩ, lại có thể thâm nhiếp khắp nơi thúc đẩy tiến vào; tiếp theo hai kệ nêu ra lợi ích của pháp.

Văn phần hai là bốn kệ có hai: Hai kệ đầu là Phổ Hiền khéo léo hòa nhập, tiếp theo hai kệ trình bày công năng thù thắng lợi ích chúng sinh của Phổ Hiền. Phổ Nhãn là có đủ trí tự tại của năm nhãn cho nên là Phổ, lại có đủ mười nhãn, Lý-Lượng đều biết cho nên nói là Phổ mà thôi.

Tiếp theo thứ hai là chính thức nói rộng ra như văn, người có thể

nói ở các Hội khác nhau, chỉ hai phẩm A-tăng-kỳ và Tiểu Tướng là Phật tự thuyết, các phẩm còn lại do người khác thuyết. Dựa vào Đại Luận thì nói có năm: Một là Phật, hai là đệ tử, ba là thần tiên, bốn là chư thiên, năm là biến hóa. Đây là dựa vào thanh-danh-cú-vị đã nói ra. Nếu hướng về sự truyền trao thì bao gồm tình và phi tình. Lại có năm loại nói, như văn sau.

Dựa theo văn phân hai: Một, mở rộng ra Thế tướng thế giới tức là trả lời hai mươi một câu hỏi về quả đức trước đây; hai, từ “Nãi vãng quá khứ...” trở xuống là trả lời hai câu hỏi về nhân pháp trước đây. Văn phân một phân ba: Một, tổng quát trình bày về nghĩa của mười loại sự việc trang nghiêm như nhân duyên thế giới...; hai, từ “Nhĩ thời Phổ Hiền Bồ-tát dục phân biệt...” trở xuống là trình bày về tướng trạng nhân duyên tập khởi của thế giới hải này; ba, từ “Pháp giới bất khả hoại...” trở xuống là dùng kệ tụng về hai đoạn văn trên.

Hỏi: Vì sao phần căn bản quán về Hải nói về Trí, phần thuyết này bỏ Trí nói về Hải mà không trình bày đầy đủ, chỉ luận về thế giới hải là thế nào?

Đáp: Đây là vì người lập văn chỉ đạt được trí tín giải mà chưa đến nguồn cội của Hải. Vả lại, thế giới do trí đạt được, nói về Hải tức là trí. Lại bởi vì ở đây sơ lược trình bày biểu hiện cùng là tướng giải thích. Hơn nữa, ở đây nói bởi vì là tướng phương tiện, tức là trí. Điều này cần phải suy nghĩ.

Văn phân một phân hai: Một, nêu ra mười tên gọi; hai, riêng biệt giải thích. Văn tổng quát nêu ra mười tên gọi trang nghiêm phân bốn: Một, nêu ra số cùng dẫn chứng; hai, nêu ra mười tên gọi; ba, kết luận về Thế; bốn, dẫn ra các thế giới khác như vi trần thành tựu đầy đủ trang nghiêm.

Hai là riêng biệt giải thích, trong mười tên gọi thì một tên gọi đầu và một tên gọi sau nêu tên gọi mà không giải thích. Vì sao như vậy? Bởi vì nói gồm chung chín tên gọi khác, nay dựa theo không trình bày, muốn thành tựu thế giới Liên Hoa cho nên tóm lược không trình bày về hư hoại, cũng có thể thành tức là hoại. thông thường dựa theo ba Thừa thì Tịnh độ có bốn loại:

- 1) Tánh.
- 2) Báo.
- 3) Sự.
- 4) Hóa có thể biết.

Nếu dựa theo Nhất thừa của Bộ này thì chỉ có hai loại, đó là Thế

giới hải và quốc độ hải, hoặc là mười loại như Cù Di nói ở phần sau. Nay đem mười tên gọi này, so sánh mười tám tướng viên tịnh của Nhiếp Luận để đối chiếu phân rõ về giống-khác. Văn trong Nhiếp Luận thấu nhiếp trú xứ riêng biệt của Phật gồm có mười chín, trú xứ riêng biệt của Phật đã trình bày trong Đại Bảo Trùng Các, cho nên trong này tóm lược không có, tức là trú xứ riêng biệt của Nhiếp Luận. Nay ở đây phát khởi đầy đủ nhân duyên, thì nhân viên tịnh của Nhiếp Luận cũng gồm chung.

Thứ nhất sắc tướng tịnh và tam lượng viên tịnh, bởi vì kệ nói “Do nhiều thứ báu làm thành và không có giới hạn” cho nên biết.

Trong văn phân hai: Một, trường hàng; hai, kệ tụng, các kệ đều như vậy. Trường hàng phân bốn, có thể biết.

Ba, trong phần riêng biệt có tám:

1) Thân lực Phật tức là thắng tiến lực, thấu nhiếp thành tựu tức là hậu trí của Phật.

2) Lý duyên khởi như vậy.

3) Là nhân đạt được.

4) Cảm quả của hành nghiệp.

5) Tất cả các hành thấu nhiếp thành tựu.

6) Do cùng nhân mà đạt được vì chúng sinh chọn lấy cõi thấu nhiếp thành tựu.

7) Là y báo của Phật.

8) Do tất cả các nguyện mà cảm được.

Phần kệ có hai mươi kệ, văn có ba: Một kệ đầu là tổng quát, tiếp theo mười tám kệ là lấy mở rộng để hiển bày tóm lược, tiếp theo một kệ cuối cùng là kết luận.

Thứ hai trong trú có ba mươi kệ rưỡi: Một, tám kệ đầu trình bày về tướng của cõi; hai, hai mươi kệ mở rộng hiển bày về nghĩa của sự an trú; ba, có hai kệ rưỡi năm chữ hiển bày về tướng an trú của Nhân-đà-la.

Thứ ba trong kệ về hình dạng có ba: Một, ba kệ mở rộng hiển bày về hình dạng; hai, từ kệ bốn chữ trở xuống sáu tụng là nhân của cõi; ba, từ “Nhất thiết nghiệp hải...” trở xuống tám kệ rưỡi phân rõ về trú trì Nhân-đà-la.

Thứ tư trong Thể có mười kệ, lấy mở rộng để hiển bày tóm lược, có thể biết.

Thứ năm trong trang nghiêm có hai mươi kệ, cũng lấy mở rộng để hiển bày tóm lược, có thể biết.

Thứ sáu trong thanh tịnh có mười tám kệ, cũng lấy mở rộng để

hiển bày tóm lược, có thể biết.

Thứ bảy trong Phật xuất thế có hai mươi kệ, có hai: Bốn kệ đầu phân rõ về Phật xuất thế, tiếp theo là phần thứ hai mở rộng trình bày về lợi ích có thể biết.

Thứ tám là văn về kiếp số tóm lược không có tụng. Tiếp theo là phần thứ hai mở rộng nêu rõ về tướng trạng nhân duyên thành lập thế giới hải, trong văn có bốn: Một, phân rõ về ý Phổ Hiền trở lại phân biệt; hai, trình bày về nhân của Tịnh độ có ba, đó là Thời-Duyên-Hành...; ba, phân rõ về tác thành lẫn nhau; bốn, nơi thường thuyết pháp và nơi kết thúc thuộc về con người. Trong này nói mở rộng về tướng trạng của sự, còn lại lý-hạnh-giáo đều nói tóm lược.

Văn phần ba có ba: Một, trình bày về Hương thủy hải trên Phong luân phân rõ gốc ngọn tác thành lẫn nhau; hai, trên Hương thủy hải trở về sau lại duy trì tánh của thế giới, hiển bày về nghĩa trở lại thành tựu; ba, trong các Hương thủy hải ấy về sau lại duy trì tánh của bảy thế giới tánh như mười hai cõi Phật... hướng lên trên, trình bày về nghĩa của phạm vi.

Ngay trong phần một có bảy đoạn:

1. Phong luân cùng địa luân nối thông là gốc.
2. Bảo Vương địa.
3. Từ “Hữu Chúc-ca-la...” trở xuống trình bày có Bảo Vương ánh hiện thọ dụng như ý.
4. Từ “Đại địa xứ...” trở xuống trình bày trên địa luân có Tiểu hương thủy hải...
5. Trình bày Hương hà vây quanh Hương hải làm nhiều lợi ích;
6. Trình bày trong sông có cây báu trang nghiêm.
7. Có một phần trường hàng.

Mỗi một cảnh giới có vô lượng sự trang nghiêm, cũng có thể kết luận về phạm vi mà thôi. Các văn đều có hai: Một là trường hàng, hai là kệ tụng.

Thứ nhất trong phần bốn-mạt của phong luân có năm: 1- Gió; 2- Nước; 3- Hoa; 4- Thế giới Kim Cang; 5- Núi Kim Cang.

Văn về gió có ba, đó là một tổng quát, hai riêng biệt, ba kết luận.

Trong phần hai là riêng biệt có mười tầng gió mà thôi. Văn kệ có hai mươi kệ, chỉ trình bày về tướng Dụng, tóm lược không phân rõ về tướng duy trì, văn có năm: Một, có bảy kệ phân rõ về nhân trú trì trang nghiêm, cũng tụng về văn trước; tiếp theo năm kệ trình bày về đức của Phật phủ khắp mười phương; tiếp theo một kệ trình bày về cõi này cùng

tận Thể của lưới giảng Nhân-đà-la; tiếp theo sáu kệ trình bày về Phật sự tùy tâm Đại dụng tự tại; tiếp theo một kệ phân rõ có đủ trí hạnh Phổ Hiền được thấy nghe về cõi này.

Thứ hai là văn về đất Kim Cang có năm: Một, đất bằng vật báu; hai, biển trên đất; ba, các vật báu; bốn, đất Kim Cang sinh ra vật báu; năm, ánh sáng. Trong tụng có mười bảy tụng: Chín tụng đầu là năm câu trên, bởi vì lực của Phật; tiếp theo tám tụng là Pháp luân và Phật khắp nơi mười phương, tức là công dụng của đất. Trong chín tụng ba tụng đầu là đất ngọc tròn phía trên, tiếp theo một tụng là đất Kim Cang, tiếp theo một tụng là vật báu trang nghiêm, tiếp theo hai tụng là biển, tiếp theo hai tụng là ánh sáng. Chúc-ca-la, Trung Hoa nói là Luân. Trong tám tụng phân hai, bốn tụng đầu là Thể của thân nghiệp, tiếp theo bốn tụng là phân rõ về Dụng.

Thứ ba trong Ma-ni bảo vương ảnh hiện có năm câu, trong tụng có hai mươi kệ, ba tụng đầu dựa vào đất để trình bày về sự ảnh hiện trong suốt, tiếp theo năm tụng về hoa-bốn tụng về mây, tiếp theo hai tụng về cõi trang nghiêm, tiếp theo bốn tụng trình bày về Bồ-tát mười phương thường đến thế giới này không ngớt, còn lại trình bày về tu hạnh Phổ Hiền được tiến vào vô biên cõi Phật.

Thứ tư trong phần trình bày về Hương hải trên địa luân, một là trong phần tổng quát có mười bốn câu, hai là phần tụng riêng biệt có hai mươi tụng về làm nhiều Phật sự như vật báu-hương hoa... thượng diệu.

Thứ năm trong sông có hai: Một là trường hàng, hai là kệ tụng. Trường hàng có bốn có thể biết. Tụng có hai mươi, mười hai tụng đầu là Thể của sông và ánh sáng, tiếp theo tám tụng là mở rộng về tự tại viên mãn của Phật.

Thứ sáu là văn về cây báu có năm có thể biết. Tụng có bốn kệ có hai, hai kệ đầu trình bày về Quả hành tự tại, tiếp theo hai kệ trình bày về Nhân hành tự tại.

Thứ bảy từ “Đương tri...” trở xuống trình bày về thế giới thanh tịnh trang nghiêm và kết luận.

Phần thứ hai là do phong luân duy trì trên Hương hải, riêng biệt duy trì an trú trong tánh thế giới của cõi Phật không thể nói, trong này có hai: Một là trường hàng, hai là kệ tụng. Văn phần một phân ba: Một, tổng quát trình bày về cõi Phật; hai, từ “Hoặc hữu...” trở xuống riêng biệt trình bày về an trú; ba, từ “Hoặc Tu-di...” trở xuống trình bày về hình thể của thế giới. Phần hai là kệ tụng có hai mươi kệ, tụng về văn thứ hai trong trường hàng trước đây: Một tụng đầu về tánh tướng của

Tịnh độ, tiếp theo ba tụng sơ lược tụng về an trú, tiếp theo năm tụng về hình tướng trang nghiêm, tiếp theo hai tụng trình bày dựa theo nghiệp sâu cạn hiển bày về cõi hơn-kém, tiếp theo ba tụng tổng quát hiển bày về hơn-kém, làm phương tiện tiến sâu vào, tiếp theo hai tụng phân rõ về thành tựu, tiếp theo bốn tụng trình bày về công lực phương tiện có thể thành tựu.

Phần thứ ba trình bày về hướng lên trên duy trì thế giới, văn có bốn câu: Một, nhắc lại Hương hải-Hương hà...trước đây và nêu ra tên gọi; hai, trình bày về hoa sen đã xuất hiện; ba, trình bày về tánh của bảy thế giới-mười hai cõi Phật do hoa đã duy trì; bốn, từ “Như thị...” trở xuống là kết luận giống như phương khác, phần này có hai có thể biết.

Nếu dựa vào trong văn của Cù Di sau này, thì trừ ra tam thiên giới còn có mười thế giới:

- 1) Tánh.
- 2) Hải.
- 3) Luân.
- 4) Viên mãn.
- 5) Phân biệt.
- 6) Toàn.
- 7) Chuyển.
- 8) Liên hoa.
- 9) Tu di.
- 10) Tướng.

Vả lại, nghĩa nói mười cõi này làm đầu lẫn nhau, chín cõi còn lại trang nghiêm thành một trăm câu. Nay thế giới này, hoặc là hoa sen, hoặc là biển, còn lại là cùng trang nghiêm, có thể theo đó suy nghĩ. Tướng thành tựu của thế giới tuy có rất nhiều, nhưng bởi vì nghĩa khó hiểu, vì sao biết vậy? Bởi vì dựa vào văn kinh này lại có tên gọi của cõi nhưng không biết là gì. Nay dựa vào một nghĩa, cõi này không phải là các tướng như trên, bởi vì nói cõi Phật không có các tướng cao thấp riêng biệt trên đây, dựa vào Phật chọn lấy nơi gọi là Sát, gọi là Độ, thì không có cao thấp sai khác. Nếu dựa theo chúng sinh chọn lấy Độ, thì có các tướng cao thấp. Văn nói “Nơi thường chuyển pháp luân” là dựa theo chúng sinh mà nói. Nếu dựa vào văn giải thích này thì có thể tìm được chút ít.

Lại trong quyển thứ 50 trong Đại Luận nói: “Lại nữa, tam thiên đại thiên thế giới gọi là một thế giới, cùng lúc khởi lên, cùng lúc diệt đi. Giống như vậy, thế giới mười phương như số cát sông Hằng là một thế

giới Phật, như vậy một thế giới Phật có nhiều thế giới như số cát sông Hằng là một thế giới hải của Phật, như vậy thế giới hải của Phật nhiều như số cát sông Hằng ở mười phương là một thế giới chung của Phật, như vậy vô lượng thế giới chung ở mười phương thì gọi là một thế giới Phật, ở trong tất cả thế giới chọn lấy phần như vậy thì gọi là phạm vi do một Đức Phật hóa độ (Đây là dựa theo Tam thừa mà nói).”

Lại nữa, mười loại thế giới trong kinh Đại Bản:

- 1) Thế giới tánh, là nghĩa cùng loại.
- 2) Thế giới hải, là nghĩa nhiều loại sắc, lại là nghĩa sâu rộng.
- 3) Thế giới luân, bởi vì nghĩa tác dụng bằng nhau.
- 4) Thế giới viên mãn, bởi vì nghĩa có đủ đức.
- 5) Thế giới phân biệt, là nghĩa không xen tạp.
- 6) Thế giới toàn, là nghĩa xoay thẳng.
- 7) Thế giới chuyển, là nghĩa chuyển nghiêng.
- 8) Thế giới liên hoa, là nghĩa phát khởi.
- 9) Thế giới Tu-di, là nghĩa thẳng diệu.
- 10) Thế giới tướng, là nghĩa hình dạng.

Vì sao nói mười? Bởi vì muốn hiển bày về vô lượng.

Hỏi: Vì sao trong một thấy có đủ tất cả các cõi?

Đáp: Vì người tu hành ở Báo độ của mình, tất cả đều không giống nhau. Phật thâm nhiếp chúng sinh mà hiện bày thế giới và cõi Phật đều tương tự Báo độ của họ để dẫn dắt các chúng sinh, vẫn thâm nhiếp tất cả cảnh Phật cho nên khiến như vậy.

Lại hỏi: Vì sao Đại Luận trình bày về thế giới hải không giống với kinh này?

Đáp: Đại Luận vì người ba Thừa mà phương tiện dần dần giải thích cho nên không giống nhau.

Thứ ba là phần tụng về văn của hai đoạn lớn trên đây, có bảy mươi kệ, toàn bộ phân làm chín: Hai mươi kệ đầu là Thế giới hải thành hoại trước đây, tiếp theo hai kệ là Trang nghiêm và thế giới an trú trước đây, tiếp theo mười tám kệ là Thế giới thanh tịnh, tiếp theo năm kệ là Thể của thế giới, tiếp theo năm kệ là nhân duyên thế giới phát khởi đầy đủ, tiếp theo sáu kệ là hình dạng của thế giới, tiếp theo hai kệ là kiếp của thế giới, tiếp theo năm kệ là thế giới Phật xuất hiện, bảy kệ còn lại là nói về thế giới.

Ngay trong hai mươi kệ đầu, mười một kệ đầu là nói về pháp, tiếp theo chín kệ là nói về dụ. Vả lại, phần kết này đối với thế giới của căn nhiệm đan xen mà kết luận, nguyên cơ là vì muốn dẫn dắt tín tâm dưới

thấp cho nên hiển bày phương tiện tiến vào pháp phía trên. Vì vậy dựa theo đây, hai văn lần lượt phân rõ về nhân duyên đạt được quả để trả lời hai câu hỏi về sự tu hành của tất cả Bồ-tát trong hai mươi ba câu hỏi trước đây, luận về nhân của cõi thì như kinh có thể biết.

Trong văn có bốn: Một, nêu ra Phật và cõi của thời quá khứ là phát khởi nhân duyên; hai, từ “Phật tử bĩ Diệm Quang thành trung...” trở xuống là phân rõ nhờ vào người khác, tức là Đồng tử; ba, trình bày về gặp Phật đạt được định, tức là Chánh nhân của phần mình; bốn, từ “Bĩ Phật diệt hậu...” trở xuống trình bày lại gặp Phật đạt được định, có hai có thể biết, tức là nhân thắng tiến. Văn này làm sáng tỏ vốn có thành tựu đầy đủ về nhân môn lý-giáo-hạnh-sự, nhân quả ba đời, tự-tha chủ-bạn, người-pháp, nhân duyên, bốn sanh, thọ ký, pháp môn Phổ Hiền..., có thể dựa theo trước chọn lấy.

Hỏi: Những loại này vì sao không có kệ trùng tụng? Đáp: Tất cả tụng có hai, một là ít thâm nhiếp nhiều nghĩa, hai là khác thời vì hàng hậu lai. Những loại này nếu là tụng thì không có hai nghĩa trên, điều này có thể suy nghĩ.

Văn phần đầu phân bốn: Một, trình bày về kiếp số lâu xa; hai, từ “Nhĩ thời hữu thế giới...” trở xuống trình bày về xứ sở cõi nước; ba, từ “Thời bĩ lâm trung...” trở xuống trình bày có tòa sen ở đạo tràng; bốn, từ “Quá bách tuế...” trở xuống trình bày về Phật xuất thế.

Phần ba gặp Phật đạt được định có bốn: Một, từ “Thời bĩ Đồng tử...” trở xuống trình bày đạt được định có hai có thể biết; hai, từ “Thời Phổ Trang Nghiêm Đồng tử...” trở xuống là dùng định lực nói kệ; ba, từ “Nhĩ thời Thiện Tuệ vương...” trở xuống trình bày vua nghe kệ hoan hỷ lại tiếp theo nói kệ; bốn, từ “Nhĩ thời Thiện Tuệ vương...” trở xuống trình bày cùng khuyến khích đại chúng đi đến chỗ Phật.

Văn kệ của Đồng Tử có ba: Một, sinh khởi; hai, chính thức tụng kệ; ba, trình bày về phạm vi của âm thanh. Trong kệ, bốn kệ đầu ca ngợi khó gặp được Phật, tiếp theo ba kệ ca ngợi ánh sáng Từ Bi của Phật lợi ích thế gian, tiếp theo một kệ khuyến khích chúng đến chỗ Phật cúng dường.

Trong chín kệ của vua có hai: Một, sinh khởi; hai, chính thức tụng kệ. Trong kệ, một kệ đầu tổng quát khuyến khích đại chúng đi đến chỗ Phật, tiếp theo bảy kệ nhắc nhở khiến chuẩn bị nghiệp tức vật dụng cúng dường Phật, tiếp theo một kệ nhắc nhở để cùng với quyến thuộc cúng dường gặp Phật.

Phần bốn đi đến chỗ Phật, văn phân bốn: Một, đi đến chỗ Phật

có hai có thể biết; hai, từ “Nhĩ thời Như Lai...” trở xuống là Phật thuyết kinh cho nghe; ba, từ “Nhĩ thời Đồng tử...” trở xuống trình bày về được lợi ích, tức là sự thắng tiến trong phần mình; bốn, từ “Nhĩ thời công đức...” trở xuống phân rõ về thọ mạng của Phật gọi mở văn nói sau này.

Ba là nghe kinh đạt được định được lợi ích, văn phân bốn: Một, trình bày về đạt được định; hai, Đồng tử nói kệ ca ngợi khiến cho đại chúng được lợi ích; ba, từ “Thuyết thị kệ thời...” trở xuống chính thức trình bày về tướng lợi ích; bốn, Phật nói kệ ấn chứng thành tựu khiến cho tâm của đại chúng phát tâm kiên cố.

Ngay trong mười kệ của Đồng tử, hai kệ đầu ca ngợi Pháp thân Phật, tiếp theo bảy kệ trình bày về nguyện hạnh tu tập đã lâu của Phật nay khiến cho đại chúng được thấy, cuối cùng một kệ nêu ra công đức của Phật khuyến khích Bồ tát tu hành.

Văn kệ của Phật phân bốn: Ba kệ đầu khen ngợi Đồng tử có năng lực dũng mãnh; tiếp theo bốn kệ khen ngợi năng lực đại tinh tiến của Đồng tử Phổ Trang Nghiêm; tiếp theo một kệ là thọ ký, nhờ cúng dường Phật cho nên được thành Phật; tiếp theo một kệ là dẫn chứng, khuyến khích khiến cho dũng mãnh đối với tất cả các thế giới.

Trong này nhân đạt được định là phần vị lúc ấy, Đồng tử lần thứ nhất gặp Phật đang ở Thập Tín đầy đủ tâm của phần mình, lần thứ hai nghe pháp đang ở Thập Tín đầy đủ tâm thắng tiến, lần thứ ba gặp Phật đang ở phần vị Giải bắt đầu tâm của phần mình, lần thứ tư nghe pháp đang ở phần vị Giải bắt đầu tâm tăng thượng. Vì sao biết như vậy? Bởi vì Đồng tử đã đạt được Tam-muội, dùng điều này so sánh các phần vị trên dưới trong kinh văn, vì vậy có thể biết mà thôi. Phần này tóm lược không có kệ. Vì sao cuối Hội không trình bày về đạt được lợi ích, là có hai ý: Một, kinh này tổng quát hiển bày về Thể pháp luân lúc Phật mới thành đạo, chỉ biểu hiện về Phật có pháp lợi ích vào thời gian sau, chứ không lập tức làm lợi ích; hai, như ánh sáng mặt trời mới mọc chiếu rọi trên đỉnh núi cao, tám Hội này theo thứ tự lợi ích cho Bồ-tát khiến cho họ thắng tiến, tức là lợi ích. Bởi vì không có căn bậc Trung-Hạ cho nên không phân rõ riêng biệt về tướng lợi ích mà thôi. Hội thứ nhất xong.
